

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ LỘC
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 90/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 04/6/2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Sang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Phú và ông Nguyễn Đức Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Quốc Cường, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 33/2021/TLST-HNGĐ ngày 22/02/2021, về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28/4/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Ngô Thị H, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn C, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lê T, sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn C, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Anh T có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 22/02/2021 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Ngô Thị H trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị H và anh Lê T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 11/5/2011 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn từ tháng 01 năm 2012. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng vợ chồng không khắc phục được mâu thuẫn. Anh T và chị H đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2016 cho đến nay, không quan tâm chăm sóc cho nhau, cuộc sống mỗi người tự lo liệu. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê T.

Về con chung: Chị Ngô Thị H trình bày trình bày vợ chồng có 02 người con chung là cháu Lê Thị Hoài D, sinh ngày 10/12/2010 và cháu Lê Công Tiến

Đ, sinh ngày 20/8/2012. Chị H yêu cầu giao hai cháu cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu cho đến khi các cháu trưởng thành và không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã nộp các tài liệu, chứng cứ gồm:

Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao trích lục khai sinh cháu Lê Thị Hoài D, Lê Công Tiến Đ; bản sao sổ hộ khẩu gia đình; bản photo chứng minh nhân dân.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn nhưng bị đơn đều vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 08/4/2021, anh Lê T trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê T thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 12 năm 2016. Hiện nay không ai còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa, mỗi người đều tự lo liệu cuộc sống của mình. Tuy nhiên anh Lê T không đồng ý ly hôn với chị Ngô Thị H vì không muốn mang tiếng xấu với con cái sau này.

Về con chung: Anh Lê T công nhận vợ chồng có 02 người con chung như chị Ngô Thị H trình bày. Anh T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu cho đến khi các cháu trưởng thành. Anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Lê T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Lê T có ý kiến đồng ý với việc ly hôn của chị Ngô Thị H.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn nhiều lần vắng mặt nên đã làm ảnh hưởng tiến độ giải quyết vụ án. Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin vắng mặt nên cần chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo Điều 175, Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự, việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án là hợp lệ nhưng bị đơn là anh Lê T vắng mặt tại các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Chị Ngô Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị H và anh Lê T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào 11/5/2011 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp. Xét về quá trình hôn nhân giữa chị H và anh T, Hội đồng xét xử thấy rằng, quá trình sống chung, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng vợ chồng không khắc phục được mâu thuẫn. Chị H và anh T đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2016 cho đến nay, không quan tâm chăm sóc cho nhau, cuộc sống mỗi người tự lo liệu. Chứng tỏ mâu thuẫn của vợ chồng đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tuy nhiên, bị đơn không đồng ý ly hôn vì cho rằng sẽ mang tiếng xấu với con cái sau này. Tại phiên tòa, anh T đã đồng ý với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Ngô Thị H.

[2.2] Về con chung: Cháu Lê Thị Hoài D, sinh ngày 10/12/2010 và cháu Lê Công Tiến Đ, sinh ngày 20/8/2012 hiện đang ở với anh Lê T và đều có nguyện vọng được ở với anh Lê T. Mặt khác chị Ngô Thị H cũng có yêu cầu giao cả hai cháu cho anh Lê T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu đến tuổi trưởng thành nên cần chấp nhận yêu cầu của chị H về việc nuôi con. Giao hai người con chung cho anh Lê T chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp với nguyện vọng và đảm bảo sự phát triển của các cháu.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình thì khi ly hôn, cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Hội đồng xét xử đã giải thích nhưng anh Lê T không yêu cầu chị Ngô Thị H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Ngô Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ngô Thị H. Chị Ngô Thị H được ly hôn với anh Lê T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Lê Thị Hoài D, sinh ngày 10/12/2010 và cháu Lê Công Tiến Đ, sinh ngày 20/8/2012 cho anh Lê T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Chị Ngô Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm non con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Ngô Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0001737 ngày 22/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chị H đã nộp đủ.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND huyện Phú Lộc;
- Chi cục THADS huyện Phú Lộc;
- UBND xã Lộc Tiến;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Sang